

Bản án số: 1173/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29/12/2022

V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Dòn.

2. Ông Vũ Huy Hoàng .

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thái- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2022, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 567/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022. Về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 528/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 440/2022/QĐST-HNGĐ ngày 01/12/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thiện K, sinh năm 1975.

Địa chỉ: C6/181D ấp 3, xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.(có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Bị đơn: Bà Hồ Thị T, sinh năm 1973.

Địa chỉ: C6/181D ấp 3, xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được ông Nguyễn Thiện K trình bày:

Ông Nguyễn Thiện K và bà Hồ Thị T tự nguyện kết hôn vào năm 2003; theo giấy chứng nhận kết hôn số 139, ngày 18/9/2003 do Ủy ban nhân dân xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Thời gian đầu sống chung hạnh phúc. Đến năm 2012 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được; nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống; cả hai đã sống ly thân từ đó đến nay và không ai còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Nay nhận thấy mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên ông K yêu cầu Tòa án cho ông được ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông Nguyễn Thiện K khai là không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Thiện K khai là không có.

Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bà Hồ Thị T vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án và cũng không tham dự phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên việc giải quyết vụ án vẫn còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Ông Nguyễn Thiện K khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn với bà Hồ Thị T; bà T có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2]. Về sự vắng mặt của bị đơn bà Hồ Thị T, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bà T vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án; ông Nguyễn Thiện K có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông K và bà T theo quy định tại Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về Nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 139, ngày 18/9/2003 do Ủy ban nhân dân xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Thiện K và bà Hồ Thị T là hôn nhân hợp pháp được qui định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Thiện K xác nhận là đời sống chung giữa ông và bà T có nhiều mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không còn hòa hợp và không ai còn quan tâm chăm sóc nhau từ lâu.

Tại kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của Ủy ban nhân dân xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung “trong quá trình sinh sống tại địa phương, Ủy ban nhân dân xã không tiến hành giải quyết mâu thuẫn về hôn nhân

giữa ông K và bà T do không có yêu cầu”. Đồng thời qua lời trình bày của ông K và thực tế cả hai đã sống ly thân và từ lâu không ai còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau thì có cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa ông K và bà T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc ông Nguyễn Thiện K yêu cầu ly hôn với bà Hồ Thị T là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 và Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Thiện K.

[2.2] Về con chung: Ông Nguyễn Thiện K khai là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết..

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Thiện K khai là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng bà T vắng mặt không thể hiện ý kiến, yêu cầu của bà về tài sản chung, nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét giải quyết vấn đề tài sản chung, nợ chung theo chứng cứ và yêu cầu của ông K. Trường hợp các đương sự có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

[2.4] Bà Hồ Thị T đã được Tòa án triệu tập đến để ghi nhận ý kiến, tiến hành thủ tục giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như việc tham gia phiên tòa xét xử giải quyết vụ án với nguyên đơn nhưng bà vẫn vắng mặt. Vì vậy, bà đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời trình bày cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để làm cơ sở xem xét giải quyết vụ án.

[3] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Nguyễn Thiện K phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227 và khoản 1 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 6; Điều 91, 96 Bộ luật tố tụng dân sự 2015

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Thiện K đối với bà Hồ Thị T.

Ông Nguyễn Thiện K được ly hôn với bà Hồ Thị T. Quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Thiện K và bà Hồ Thị T chấm dứt cũng như giấy chứng nhận kết hôn số 139, ngày 18/9/2003 do Ủy ban nhân dân xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp

luật.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Thiện K khai là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Thiện K khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết; Riêng bà T vắng mặt không thể hiện ý kiến, yêu cầu của bà về tài sản chung, nợ chung. Trường hợp các đương sự có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Thiện K chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0041165 ngày 19/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông K đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo luật định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự (3);
- VKSND H. Bình Chánh (2);
- Chi cục THADS H. Bình Chánh (1);
- Cơ quan nơi thực hiện việc
đăng ký kết hôn (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Chiến